TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **488**/2026/DS(KDTM)-ST
Ngày: 03/9/2026
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuý
Ông Phùng Văn Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Lệ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Cao Đức Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 03/9/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 307/2026/TLST-DS ngày 04/6/2026, về việc *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2026/QĐXXST-DS ngày 28/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 248/2026/QĐST-DS ngày 14/8/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Q**
Địa chỉ: số A L, phường Y, thành phố Hà Nội.
Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T – Chuyên viên xử lý nợ tố tụng; Địa chỉ: Tòa nhà A G, phường Ô, TP .
(Theo Văn bản ủy quyền số 9614/UQ-MBAMC ngày 24/4/2026)
- *Có mặt.*

Bị đơn: **Bà Vũ Thị Thu H**, sinh năm 1977
CCCD số 03117700xxxx
Địa chỉ: số F phố N, phường B, thành phố Hà Nội.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q*** (sau đây gọi tắt là *"MB"*) ***trình bày:***

Ngày 10/4/2025, giữa Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh L với bà Vũ Thị Thu H đã ký kết Hợp đồng cho vay *(sau đây gọi tắt là "Hợp đồng")* số

5.25.066.33824701.TD và Khế ước nhận nợ số LD2528310109, LD2528368283, LD2528380560, LD2528393065, LD2528306883, với những nội dung chính sau đây:

- Hạn mức cho vay: 5.000.000.000 đồng *(năm tỷ đồng)*

- Số tiền đã giải ngân: 4.999.990.000 đồng *(bốn tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng)*;

- Thời hạn vay: từ 10/10/2025 đến 10/04/2026

- Mục đích vay: cấp mới hạn mức tín dụng bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh buôn bán kim khí của khách hàng;

- Lãi suất cho vay thả nổi: tại thời điểm giải ngân (10/10/2025) đến ngày 09/01/2026 là 11,57%/năm; điều chỉnh 03 tháng/lần vào các ngày 10/01, 10/4, 10/7 hàng năm, được xác định bằng lãi suất tham chiếu đối với các khoản giải ngân VNĐ có thời hạn <= 12 tháng (+) biên độ 5,57%/năm.

- Lãi quá hạn: 150% trong hạn;

Để đảm bảo cho khoản vay của bà H phát sinh từ Hợp đồng cho vay nêu trên, bà H đã ký Hợp đồng thế chấp (áp dụng đối với tài sản là bất động sản) số 505675.25.066.33824701.BĐ ngày 10/4/2025, số công chứng 000242, quyển số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày lập tại Văn phòng C, thành phố Hà Nội. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất diện tích 44m2 tại thửa số 79, tờ bản đồ số 18, địa chỉ tại Khu đất giãn dân A, phường N, TP ., theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DO 683736 do Chi nhánh Văn phòng C - CN quận L - quận L cấp ngày 15/3/2024 cho bà Vũ Thị Thu H. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng C - CN quận L ngày 10/4/2025.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Vũ Thị Thu H không thực hiện trả nợ theo cam kết trong Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ, khoản vay bị quá hạn. Ngân hàng đã gửi nhiều thông báo yêu cầu bà H trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm để Ngân hàng xử lý theo quy định nhưng bà H không thực hiện.

Ngoài ra, ngày 23/04/2025, Ngân hàng TMCP Q và bà Vũ Thị Thu H ký Hợp đồng sử dụng dịch vụ tài khoản thanh toán, thẻ, dịch vụ ngân hàng số có mã số hợp đồng 03117700748110, loại thẻ VISA_CREDIT, hạng PLATINUM. Kể từ khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã nhiều lần rút tiền và thanh toán; dư nợ thẻ tín dụng phát sinh từ hợp đồng này được Ngân hàng yêu cầu thanh toán theo số liệu chốt nợ.

Dư nợ của khách hàng tại Ngân hàng TMCP Q theo các Hợp đồng cho vay đã ký, các khế ước nhận nợ đã ký với số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (03/9/2026) là **5.721.426.830 đồng**, bao gồm nợ gốc là 4.999.990.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 161.521.435 đồng, nợ lãi quá hạn là 178.601.051 đồng và nợ thẻ Visa là 381.314.345 đồng.

Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận những yêu cầu sau của Nguyên đơn:

(1) Buộc bà Vũ Thị Thu H (Bị đơn) phải trả cho Ngân hàng TMCP Q (M) tổng số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số 5.25.066.33824701.TD ngày 10/4/2025 tính đến ngày 03/9/2026 là **5.721.426.830 đồng** *(năm tỷ, bảy trăm hai mươi mốt triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn, tám trăm ba mươi đồng)*, bao gồm:

- Nợ gốc: 4.999.990.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 161.521.435 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 178.601.051 đồng;
- Nợ thẻ Visa: 381.314.345 đồng.

(2) Buộc bà Vũ Thị Thu H tiếp tục thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 5.25.066.33824701.TD ngày 10/04/2025 và Hợp đồng mở thẻ tín dụng số 03117700748110 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ;

(3) Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Vũ Thị Thu H không trả hoặc trả không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng M có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 18, tại Khu đất giãn dân A, phường N, thành phố Hà Nội, theo nội dung *"Hợp đồng thế chấp (áp dụng đối với tài sản là bất động sản)"* số 505675.25.066.33824701.BĐ ngày 10/4/2025 (số công chứng 000242, quyển số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/4/2025 của Văn phòng C - Hà Nội) và *"Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất"* số DO 683736 do Văn phòng C - CN quận L cấp ngày 15/3/2024 cho bà Vũ Thị Thu H.

(4) Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Vũ Thị Thu H đối với MB. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Vũ Thị Thu H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho MB.

(5) Bà Vũ Thị Thu H phải chịu án phí, chi phí tố tụng và các chi phí khác theo quy định pháp luật.

**** Bị đơn là bà Vũ Thị Thu H*** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên không có lời khai.

*** Tại phiên toà,**

* Đại diện nguyên đơn giữ yêu cầu như trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án, ngoài ra đề nghị số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (03/9/2026).

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hà Nội phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Ban đầu, vụ án được thụ lý dưới dạng tranh chấp dân sự. Sau đó, trên cơ sở thông tin Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của bà Vũ Thị Thu H, Tòa án đã xác định lại quan hệ tranh chấp là tranh chấp về kinh doanh, thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành giải quyết là đúng thẩm quyền; việc xác minh thu thập chứng cứ, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho VKS và đương sự đúng quy định. Tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Giữa Ngân hàng TMCP Q và bà Vũ Thị Thu H đã ký kết Hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã không thực hiện đúng các thoả thuận, do vậy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

Về tài sản bảo đảm: Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa Ngân hàng và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 116, 117, 118, 119, khoản 2 Điều 155, Điều 280, Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 429, Điều 466 2015; Căn cứ vào điều 90, 91, 95 và 98 ; Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q, buộc bà Vũ Thị Thu H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 4.999.990.000 đồng, 161.521.435 đồng, nợ lãi quá hạn: 178.601.051 đồng, nợ thẻ tín dụng: 340.122.485 đồng.

+ Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật mà bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: quyền sử dụng đất diện tích 44m2 tại thửa số 79, tờ bản đồ số 18, địa chỉ tại Khu đất giãn dân A, phường N, TP . theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DO 683736 do Văn phòng C - CN quận L cấp ngày 15/3/2024 cho bà Vũ Thị Thu H.

+ Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Vũ Thị Thu H đối với Ngân hàng. Nếu số

tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Vũ Thị Thu H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

+ Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với cá nhân có đăng ký kinh doanh; bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường B, thành phố Hà Nội. Toà án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội thụ lý vụ án Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng tín dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, do vậy căn cứ vào Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng, các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện cung cấp cho Tòa án gồm: Hợp đồng cho vay, các Khế ước nhận nợ, Hợp đồng thế chấp tài sản, các Văn bản về lãi suất... Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không cung cấp ý kiến cũng không phản đối đối với danh sách các tài liệu, chứng cứ và quan điểm khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp để giải quyết vụ án.

[2.2] Xét các Hợp đồng tín dụng nêu trên được xác lập giữa V với ông bà Vũ Thị Thu H có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, Điều 91 và Khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực thi hành. Vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, có cơ sở xác định số tiền nợ gốc là 4.999.990.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 161.521.435 đồng, lãi quá hạn là 178.601.051 đồng, nợ phát sinh từ thẻ tín dụng là 381.314.345 đồng.

[2.3] Bị đơn đã vi phạm Hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, Khoản 2 Điều 91 và Điều 93 của Luật các tổ chức tín dụng.

[2.4] Xét yêu cầu tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất thoả thuận trong các văn kiện tín dụng kể sau ngày xét xử sơ thẩm của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 1, 2 Điều 13, Khoản 2 Điều 14 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân

dân tối cao, nên được chấp nhận. Buộc Bị đơn phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi của khoản nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay, Khế ước nhận nợ và Hợp đồng mở thẻ tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3] Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của nguyên đơn:

Hợp đồng thế chấp số 505675.25.066.33824701.BĐ ngày 10/4/2025, số công chứng 000242, quyển số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/4/2025 của Văn phòng C; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 10/4/2025 tại Văn phòng C - CN quận L.

Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 18, tại Khu đất giãn dân A, phường N, thành phố Hà Nội, theo thông tin tại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DO 683736 do Văn phòng C - CN quận L cấp ngày 15/3/2024 cho bà Vũ Thị Thu H.

Xét thấy, tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp thì bà Vũ Thị Thu H là chủ sở hữu nhà ở được nhà nước công nhận, quá trình nhận thế chấp phía ngân hàng đã thực hiện việc thẩm định, định giá tài sản; Hợp đồng thế chấp nêu trên đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định, nên Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa bà Vũ Thị Thu H với ngân hàng là hợp pháp, có hiệu lực.

Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu của ngân hàng nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ để thu hồi nợ thì buộc bà Vũ Thị Thu H phải tiếp tục trả nợ cho ngân hàng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ: Yêu cầu này phù hợp với thoả thuận của các đương sự tại Hợp đồng thế chấp tài sản, không trái với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Hoàn trả nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 137, 138, 292, 293, 303, 318, 320, 322, 323, 324, 326, 335, 336, 339, 342 và 463 của Bộ luật Dân sự;

- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11.01.2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Q đối với Bị đơn - bà Vũ Thị Thu H về tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng cho vay số 5.25.066.33824701.TD ngày 10/4/2025 và Hợp đồng sử dụng dịch vụ tài khoản thanh toán, thẻ, dịch vụ ngân hàng số số 03117700748110 ngày 23/4/2025:

[1.1] Buộc bà Vũ Thị Thu H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là **5.721.426.830 đồng** *(năm tỷ, bảy trăm hai mươi mốt triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn, tám trăm ba mươi đồng),* bao gồm: 4.999.990.000 đồng *(sáu tỷ, hai trăm hai mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng)* nợ gốc, 161.521.435 đồng nợ lãi trong hạn, 178.601.051 đồng nợ lãi quá hạn và 367.875.150 đồng nợ phát sinh từ thẻ tín dụng.

[1.2] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Vũ Thị Thu H còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo thoả thuận tại các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ nêu tại mục [1] của Quyết định này cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[1.3] Trường hợp bà Vũ Thị Thu H không trả hoặc trả không đủ khoản nợ, thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, bán đấu giá, xử lý tài sản bảo đảm là: quyền sử dụng đối với diện tích 44m^2 đất tại thửa số 79 tờ ản đồ số 18, địa chỉ: Khu Đ (số nhà A hẻm A phố N), phường B, thành phố Hà Nội, theo nội dung *Hợp đồng thế chấp (áp dụng đối với tài sản là bất động sản)* số 505675.25.066.33824701.BĐ ngày 10/4/2025, số công chứng 000242, quyển số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/4/2025 của Văn phòng công chứng Phạm Đức T1- Hà Nội và *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số DO 683736 do Văn phòng C - CN quận L cấp ngày 15/3/2024 cho bà Vũ Thị Thu H.

Trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm nêu trên thì các cá nhân, tổ chức thực tế sinh sống hoặc kinh doanh tại nhà đất thế chấp (nếu có) đều có nghĩa vụ chấp hành bản án.

[1.4] Tài sản bảo đảm nêu tại tiểu mục [1.3] mục [1] nêu trên được xử lý để thanh toán cho các khoản nợ của bà Vũ Thị Thu H được nêu ở tiểu mục [1.1] và [1.2] mục [1] phần Quyết định của Bản án này. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để thanh toán các khoản nợ thì bà Vũ Thị Thu H có nghĩa vụ thanh toán phần còn thiếu.

[2] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Về án phí:

- Bà Vũ Thị Thu H phải chịu 113.721.000 đồng *(một trăm mười ba triệu, bẩy trăm hai mươi mốt nghìn đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP Q số tiền 56.770.000 đồng *(Năm mươi sáu triệu, bẩy trăm bẩy mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013177 ngày 02/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

[4] Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc A